TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 14-01-2025
V/v: "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Văn Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Lâm Thị Kiều Dung; ông Nguyễn Hoà Minh.

- Thư ký phiên tòa: bà Huỳnh Thị Mến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: bà Huỳnh Thị Mộng Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024, về "Tranh chấp ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2024/QĐXX-ST ngày 20 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị Minh P, sinh năm 1989; địa chỉ: Số E, Hẻm B, Đường T, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1969; địa chỉ: Số B- 14993 101A Ave, S, B, C, Canada; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Minh P (nguyên đơn) trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn vào ngày 21-02-2020 tại Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại Việt Nam 01 tháng thì anh T trở về Canada và không trở lại Việt Nam. Qua liên lạc bằng điện thoại thì anh T nói đồng ý ly hôn với chị.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: chị P trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: anh Nguyễn Văn T là người Việt Nam, có Quốc tịch Canada, Tòa án đã ủy thác tư pháp để thu thập lời khai, thông báo ngày mở phiên hòa giải, phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, ngày xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự Việt Nam và được cơ quan có thẩm quyền Canada thực hiện uỷ thác tư pháp bằng hình thức chuyển văn bản trực tiếp cho anh T nhưng anh T không phản hồi.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục phiên tòa dân sự. Trong quá trình tham gia tố tụng đương sự chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Minh P, cho chị P được ly hôn với anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị Minh P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị P.

[1.2] Anh Nguyễn Văn T đã được cơ quan có thẩm quyền Canada thực hiện uỷ thác tư pháp bằng hình thức chuyển văn bản trực tiếp cho anh T nhưng anh T không phản hồi, không có mặt tại phiên tòa. Tòa án căn cứ khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự Toà án xét xử vắng mặt anh T.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Minh P đối với anh Nguyễn Văn T, thấy rằng:

[2.1] Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Minh P và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn vào ngày 21-02-2020 tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền Việt Nam nên quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh T là hợp pháp. Tuy nhiên, sau khi kết hôn 01 tháng thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh T về Canada sống là không liên lạc với chị P. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị P và anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị P yêu cầu được ly hôn với anh T là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Minh P được ly hôn với anh Nguyễn Văn T phù hợp tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam.

[2.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không đặt ra giải quyết.

[3] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên toà là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng khác: chị Nguyễn Thị Minh P phải chịu 200.000 đồng tiền chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài và 2.500.000 đồng chi phí dịch thuật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Minh P phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 238, khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam; khoản 5 Điều 27, Điều 44 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Minh P đối với anh Nguyễn Văn T.

2. Chị Nguyễn Thị Minh P được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

3. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Minh P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000127 ngày 29-02-2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh; (ghi nhận chị P đã nộp xong án phí).

5. Về chi phí tố tụng khác:

5.1. Chị Nguyễn Thị Minh P phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng chi phí ủy thác tư pháp, được khấu trừ vào 200.000 đồng tiền tạm ứng chi phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000214 ngày 08-5-2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh; (ghi nhận bà T1 đã nộp xong).

5.2. Chị Nguyễn Thị Minh P phải chịu 2.500.000 (hai triệu) đồng chi phí dịch thuật; (ghi nhận đã thanh toán xong).

6. Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, theo thời hạn như sau:

Chị Nguyễn Thị Minh P được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Anh Nguyễn Văn T được kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án, quyết định được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án, quyết

định được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật được quy định tại khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TANDCC;
- VKSNDCC;
- VKSND. TTN;
- Cục THADS. TTN;
- UBND TPTN; (nơi ĐKKH)
- Phòng KTNV. TAT;
- Những người TGTT;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Tâm